

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẾN LÚC
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2018/HS-ST

Ngày: 13-3-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN LÚC, TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Ngọc Thành.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Mai Văn To
2. Ông Dương Công Danh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Thuý Hồng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bến Lức.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức tham gia phiên tòa:
Ông Đỗ Hoàng Phận – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 3 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Lức tỉnh Long An tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 12/2018/TLST-HS ngày 06 tháng 02 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2018/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 02 năm 2018 đối với bị cáo:

Nguyễn Quang H, tên gọi khác: Không, sinh năm 1987 tại Đồng Tháp. Nơi ĐKTT: Số 244/6A khóm 3, phường 3, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 07/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn H (chết) và bà Nguyễn Thị Ngọc X; bản thân chưa có vợ; tiền án: Ngày 15/01/2008 bị Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xử phạt 14 năm tù về tội “Giết người”, đến ngày 31/8/2015 thì được đặc xá, chưa xóa án tích, tiền sự: không; bị bắt, tạm giữ từ ngày 15/12/2017 đến ngày 21/12/2017 và bị tạm giam từ ngày 21/12/2017 cho đến nay, có mặt.

- Bị hại: Nguyễn Thị Thu N, sinh năm 1990

ĐKTT: Ấp 6, xã M, huyện B, tỉnh Long An.

Tạm trú: Ấp Chợ, xã P, huyện B, tỉnh Long An (vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Phạm Ngọc P, sinh năm 1982

ĐKTT: Số 879 H, phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tạm trú: C/c An Phú đường H, phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

- *Người làm chứng:*

1. Đặng Võ Hoài P, sinh năm 1997

ĐKTT: Ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Long An (vắng mặt).

2. Nguyễn Tấn H, sinh năm 1996

ĐKTT: Ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Long An (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 16 giờ 45 phút ngày 14/12/2017, Nguyễn Quang H điều khiển xe mô tô gắn biển số giả là 59M1-098.95 của Bùi Thanh S chở S ngồi sau lưu thông trên đường Quốc lộ 1A hướng Tp. HCM đi về tỉnh Tiền Giang. Khi đến cây xăng V thuộc ấp V, thị trấn B, huyện B, Bị cáo H và S nhìn thấy chị Nguyễn Thị Thu N đang đậu xe phía trước cùng chiều, ngay trước cây xăng V đang bấm điện thoại di động. Bị cáo H điều khiển xe chạy qua xe chị N khoảng 5m thì Sơn kêu Bị cáo H quay đầu xe lại để giật điện thoại của chị N, thì Bị cáo H đồng ý. Bị cáo H điều khiển cho xe quay đầu lại chạy tới áp sát vào phía ngoài bên trái xe chị N, còn Sơn dùng tay trái giật điện thoại di động hiệu Iphone 8 trên tay của chị N. Sau khi giật điện thoại xong, Bị cáo H tăng ga bỏ chạy ngược chiều rồi băng qua lộ, chạy về hướng Tp. HCM, lúc này chị N điều khiển xe mô tô đuổi theo, tri hô “Cướp...cướp”. Bị cáo H chạy được 01 đoạn thì Sơn cầm điện thoại hiệu Iphone 8 vừa mới giật được bỏ vào túi quần bên trái của Bị cáo H, sau đó Bị cáo H chạy quẹo về hướng xã P, huyện C, S ngồi sau tháo nón bảo hiểm của Bị cáo H ném về hướng chị N đang đuổi theo, nhưng không trúng vào xe và người chị N. Khi đến ấp V, xã P, huyện C, thì Bị cáo H điều khiển xe bị té ngã, Bị cáo H và S bỏ xe chạy bộ còn Bị cáo H bị quần chúng nhân dân bắt được cùng tang vật là 01 điện thoại di động hiệu Iphone 8, S thì chạy thoát. Qua quá trình điều tra, Bị cáo H khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Trong quá trình điều tra, CQĐT cho tiến hành nhận dạng đối tượng tên S và xác minh nơi cư trú thì S đã bỏ địa phương đi đâu không biết.

Tại biên bản định giá tài sản số 33/BB-TCKH ngày 21/12/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Bến Lức, kết luận: giá trị còn lại của điện thoại di động hiệu Iphone 8 là 18.891.000đ.

Tại cáo trạng số 19/QĐ-VKSBL ngày 05-02-2018 của Viện kiểm sát nhân dân bị cáo Hện Bến Lức truy tố Nguyễn Quang H về tội “Cướp giật tài sản” quy định tại điểm c, điểm d khoản 2 Điều 136 Bộ luật hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức trong phần luận tội đã phân tích, đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi, các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã thật thà khai báo, biết ăn năn hối cải, tài sản chiếm đoạt đã thu hồi trả lại cho chủ sở hữu, hiện hoàn cảnh gia đình bị cáo gặp khó khăn nên xem xét giảm cho bị cáo một phần về hình phạt. Do đó, cần cho bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Quang H phạm tội “Cướp giật tài sản”.

Áp dụng điểm c, điểm d khoản 2 Điều 136; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 45; Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Quang H từ 04 năm đến 04 năm 06 tháng tù.

Xét thấy bị cáo không có thu nhập, có hoàn cảnh gia đình khó khăn nên đề nghị miễn hình phạt bổ sung là hình phạt tiền cho bị cáo.

Hành vi của Bùi Thanh S cùng Bị cáo H thực hiện vụ “Cướp giật tài sản” đã được Cơ quan điều tra tiến hành xác minh nơi cư trú thì S đã bỏ địa phương đi đâu không biết, nên Cơ quan điều tra có Quyết định tách vụ án hình sự số 03 ngày 25/01/2018 để tiếp tục điều tra, làm rõ, xử lý sau là phù hợp.

Về trách nhiệm dân sự: Sau khi sự việc xảy ra, bị hại chị Nguyễn Thị Thu N đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì về dân sự nên không đề cập đến.

Về vật chứng:

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone 8 thuộc sở hữu của chị Nguyễn Thị Thu N, hiện CQĐT đã trả lại cho chị N là phù hợp;

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision màu trắng, biển số 59M1-098.95, số máy F33E-0071154, số khung 330XcY071082. Qua xác minh thì biển số xe 59M-098.95 là biển số giả, qua tra cứu xe xác định nguồn gốc chiếc xe trên thuộc sở hữu của chị Phạm Ngọc P, biển số đăng ký là 59K1-267.69. Vào khoảng tháng 9/2017 chị P điều khiển xe đến nhà bạn chơi ở đường Lê Công P, phường An Lạc, quận Bình Tân, Tp. HCM thì bị mất trộm nhưng chưa trình báo tại Công an phường An Lạc. Qua điều tra, chị P đã cung cấp được giấy chứng nhận đăng ký xe và những thông tin về xe đã bị mất, nên CQĐT đã trả lại cho chị P là chủ sở hữu và CQĐT Công an huyện chuyển toàn bộ thông tin bị mất trộm xe của chị P cho Công an phường A, quận B để xử lý theo quy định là phù hợp.

- 01 Bản chính giấy Chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Quang H là giấy tờ tùy thân của bị cáo nên đề nghị hoàn trả cho bị cáo.

(Tang vật hiện Tòa án nhân dân huyện Bến Lức đang tạm giữ).

Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận hành vi của mình đúng như cáo trạng và lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát đã nêu. Bị cáo không tranh luận.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Bến Lức, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, Biên bản bắt người phạm tội quả tang, Biên bản định giá tài sản và các chứng cứ khác mà cơ quan điều tra đã thu thập được thẩm tra tại phiên tòa có đủ cơ sở khẳng định bị cáo Nguyễn Quang H là người đã thành niên, có đủ sức khỏe làm việc để tạo thu nhập cho bản thân nhưng với bản tính tham lam, động cơ, mục đích vụ lợi nên bị cáo đã nảy sinh ra ý định chiếm đoạt tài sản của người khác để bán lấy tiền tiêu xài **nên** Vào khoảng 16 giờ 45 phút ngày 14/12/2017, Nguyễn Quang H điều khiển xe mô tô gắn biển số giả là 59M1-098.95 chở Bùi Thanh S ngồi sau, lưu thông trên Quốc lộ 1A hướng Tp. HCM đi tỉnh Tiền Giang. Khi đến cây xăng V thuộc ấp V, thị trấn B, huyện B, Bị cáo H và S nhìn thấy chị Nguyễn Thị Thu N đang đậu xe phía trước cây xăng V bấm điện thoại, Bị cáo H điều khiển cho xe quay đầu lại chạy áp sát vào phía ngoài xe chị N, S ngồi phía sau dùng tay giật điện thoại di động hiệu Iphone 8 trên tay chị N trị giá 18.891.000đ. Sau đó, Bị cáo H tăng ga bỏ chạy đến ấp V, xã P, huyện C thì xe bị té ngã, Bị cáo H và S bỏ chạy bộ, Bị cáo H bị quần chúng nhân dân bắt được cùng tang vật nên đã đủ cơ sở kết luận bị cáo Nguyễn Quang H phạm tội “Cướp giật tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 136 Bộ luật hình sự năm 1999. Do bị cáo đã bị kết án về tội rất nghiêm trọng chưa được xóa án tích mà phạm tội rất nghiêm trọng do lỗi cố ý nên trường hợp tái phạm nguy hiểm và bị cáo vừa điều khiển xe mô tô là nguồn nguy hiểm cao độ vừa dùng tay giật điện thoại của chị N ngồi trên xe nghe điện thoại gây nguy hiểm đến tính mạng, sức khỏe của chị N, do đó thuộc trường hợp dùng thủ đoạn nguy hiểm nên Viện kiểm sát truy tố bị cáo theo điểm c, điểm d khoản 2 Điều 136 Bộ luật hình sự năm 1999 là có căn cứ và đúng pháp luật.

[3] Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như cáo trạng đã nêu, bị cáo xác định cáo trạng truy tố bị cáo là không oan sai, bị cáo không tranh luận mà chỉ xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt. Hội đồng xét xử xem xét khi quyết định hình phạt.

[4] Hành vi trái pháp luật của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, với bản tính tham lam, động cơ, mục đích vụ lợi, muốn có tiền để tiêu xài mà không phải bỏ công sức lao động của mình làm ra nên bị cáo nảy sinh ra ý định chiếm đoạt tài

sản của người khác để bán lấy tiền tiêu xài nhằm phục vụ thỏa mãn nhu cầu của bản thân.

[5] Bị cáo thực hiện việc chiếm đoạt tài sản một cách công khai, táo bạo, bất ngờ và dứt khoát rồi nhanh chóng tẩu thoát. Hành vi của bị cáo thực hiện do lỗi cố ý trực tiếp, đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác, xâm phạm trật tự an toàn xã hội. Bị cáo cũng thừa biết tài sản của người khác là do công sức lao động làm ra được pháp luật bảo vệ và bất khả xâm phạm khi chưa có sự đồng ý của chủ sở hữu. Bị cáo cũng nhận biết việc cướp giật tài sản của chị Nguyễn Thị Thu N là vi phạm pháp luật nhưng vì bản tính tham lam, muốn có tiền để tiêu xài nên bị cáo bất chấp. Hành vi của bị cáo gây mất trật tự ở địa phương, làm cho nhân dân bất bình, hoang mang, lo sợ. Hơn nữa, về nhân thân bị cáo đã từng bị Tòa án kết án chưa được xóa án tích mà không biết từ bỏ lại tiếp tục dấn thân vào con đường phạm tội, chứng tỏ bị cáo đã xem thường pháp luật. Do đó cần thiết xử lý bị cáo bằng một hình phạt thỏa đáng mới có thể giáo dục và phòng ngừa chung.

[6] Tuy nhiên, cần xem xét về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, nhưng bị cáo có 01 tiền án chưa được xóa án tích.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã thật thà khai báo, biết ăn năn hối cải, tài sản chiếm đoạt đã thu hồi trả lại cho chủ sở hữu, hiện hoàn cảnh gia đình bị cáo gặp khó khăn nên xem xét giảm cho bị cáo một phần về hình phạt. Do đó, cần cho bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Cũng cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới có thể cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho xã hội.

[7] Về hình phạt bổ sung, theo quy định tại khoản 5 Điều 136 Bộ luật Hình sự quy định “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ mười triệu đồng đến một trăm triệu đồng”, do đó bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy bị cáo có điều kiện kinh tế còn khó khăn. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[8] Hành vi của Bùi Thanh S cùng Bị cáo H thực hiện vụ “Cướp giật tài sản” đã được Cơ quan điều tra tiến hành xác minh nơi cư trú thì S đã bỏ địa phương đi đâu không biết, nên CQĐT có Quyết định tách vụ án hình sự số 03 ngày 25/01/2018 để tiếp tục điều tra, làm rõ, xử lý sau là phù hợp.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Sau khi sự việc xảy ra, bị hại chị Nguyễn Thị Thu N đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì về dân sự nên không đề cập đến.

[10] Về vật chứng:

Về vật chứng:

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone 8 thuộc sở hữu của chị Nguyễn Thị Thu N, hiện CQĐT đã trả lại cho chị Nguyễn là phù hợp;

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision màu trắng, biển số 59M1-098.95, số máy F33E-0071154, số khung 330XcY071082. Qua xác minh thì biển số xe 59M-098.95 là biển số giả, qua tra cứu xe xác định nguồn gốc chiếc xe trên thuộc sở hữu của chị Phạm Ngọc P, biển số đăng ký là 59K1-267.69. Vào khoảng tháng 9/2017 chị P điều khiển xe đến nhà bạn chơi ở đường Lê Công P, phường A, quận B, Tp. HCM thì bị mất trộm nhưng chưa trình báo tại Công an phường A. Qua điều tra, chị P đã cung cấp được giấy chứng nhận đăng ký xe và những thông tin về xe đã bị mất, nên CQĐT đã trả lại cho chị P là chủ sở hữu và CQĐT Công an huyện chuyển toàn bộ thông tin bị mất trộm xe của chị P cho Công an phường A, quận B để xử lý theo quy định là phù hợp.

- 01 Bản chính giấy Chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Quang H là giấy tờ tùy thân của bị cáo nên hoàn trả cho bị cáo là phù hợp.

(Tang vật hiện Tòa án nhân dân huyện Bến Lức đang tạm giữ).

[11] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Quang H phạm tội "*Cướp giật tài sản*".

Căn cứ vào điểm c, điểm d khoản 2 Điều 136, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 45, Điều 33 Bộ luật Hình sự năm 1999:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Quang H 04 năm tù, thời gian tù được tính từ ngày 15-12-2017.

2. Áp dụng Điều 329 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 1999: Tiếp tục tạm giam bị cáo Nguyễn Quang H trong thời hạn 45 (bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày 13-3-2018 để đảm bảo thi hành án.

3. Áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015: Hoàn trả cho bị cáo 01 bản chính giấy Chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Quang H.

(Tang vật hiện Tòa án nhân dân huyện Bến Lức đang tạm giữ).

4. Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội buộc bị cáo Nguyễn Quang H phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Án xử sơ thẩm công khai, bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận

- Tòa án nhân dân tỉnh Long An;
- Sở tư pháp tỉnh Long An;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra huyện Bến Lức;
- Nhà tạm giữ Công an huyện Bến Lức;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Bến Lức;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Dương Ngọc Thành